

Số: 27-4/QĐ – THPTTQB

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai quyết toán ngân sách năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT TẠ QUANG BỬU

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách và tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách và tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Biên bản ngày tháng năm 2024 về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023;

Theo đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành Quyết định công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023 của Trường THPT Tạ Quang Bửu (theo biểu số 04 đính kèm).

Điều 2: Ban Giám hiệu, phòng Tài vụ và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- BGH
- Phòng Tài vụ
- Các bộ phận có liên quan
- Lưu: VP



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 27.4 /QĐ-THPTTQB ngày 01 /... 03 /2024 của Trường THPT Tạ Quang Bửu)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

đvt : ngàn đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
1	2	3	4	5 = 4-3	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách, phí, lệ phí				
I	Thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí				
	Lệ phí				
2	Phí	13.608.734	13.608.734		
	Học phí công lập	4.805.881	4.805.881		
	Hai buổi/ngày	4.706.585	4.706.585		
	Tăng cường Tiếng Anh	598.261	598.261		
	Tăng cường Tin học	868.773	868.773		
	Tiếng Anh với người nước ngoài	1.863.217	1.863.217		
	Bản trú	766.017	766.017		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
	a. Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	b. Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
	a. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	b. Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
3.1	Lệ phí				
	Lệ phí				
3.2	Phí				
	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
1	2	3	4	5 = 4-3	6
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	26.907.113	26.907.113		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	13.807.270	13.807.270		
	+ Nguồn 13	13.465.900	13.465.900		
	+ Nguồn 1401	341.370	341.370		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	13.099.843	13.099.843		
	+ Nguồn 12	5.233.389	5.233.389		
	+ Nguồn 1402	7.866.454	7.866.454		
	+ Nguồn 15				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

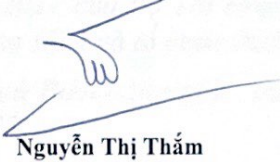
STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
1	2	3	4	5 = 4-3	6
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi đảm bảo xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
1	2	3	4	5 = 4-3	6
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi đảm bảo xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
1	2	3	4	5 = 4-3	6
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Ngày 01 tháng 03 năm 2023

Người lập bảng


Nguyễn Thị Thắm

HIỆU TRƯỞNG




Trần Thị Bích